

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2022
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Lưu Văn Có,**
 2. Bà **Võ Thị Bồi.**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 693/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 22 Tây B, phường Vĩnh H, Nha T.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Trần Đình T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 22 Tây B, phường Vĩnh H, Nha T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 08/6/2021, bản tự khai ngày 10/01/2022 nguyên đơn – bà **Nguyễn Thị Thanh N** trình bày: Bà và ông **Trần Đình T** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước A, huyện Krông P, tỉnh Đắk L. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng không hợp nhau nên sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông **Thiện**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N xác nhận giữa bà và ông Trần Đình T không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Đình T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thanh Ngân và ông Trần Đình T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú (tạm trú) tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà N xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà N là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Đình T vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vì lý do công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước A, huyện Krông P, tỉnh Đắk L vào năm 2018 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 134, cấp ngày 29/8/2018). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ theo lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh N cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng bà không có tiếng nói chung, nhiều lần mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp được với nhau và đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Ngân ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N xác nhận giữa bà và ông Trần Đình T không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

* *Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ,

đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N xác nhận giữa bà và ông Trần Đình T không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh N ly hôn ông Trần Đình T.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N xác nhận giữa bà và ông Trần Đình T không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000436 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh H;
- VKSND TP. Nha T;
- Chi cục THADS Nha T;
- UBND thị trấn Phước A, huyện Krông P, tỉnh Đắk L (GCNKH số 134, ngày 29/8/2018);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu

